TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2- ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29/9/2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Như Lữ
2. Ông Lường Văn Dũng.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Hoàng Công Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - tỉnh Điện Biên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 2-Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2025/TLST-HNGĐ ngày 08/8/2025, về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXX-ST ngày 10 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Đinh Thị N, sinh năm 2001.
Nơi cư trú: Xóm S, xã M, tỉnh Phú Thọ (Có mặt tại phiên tòa).
- Bị đơn: anh Lò Văn Đ, sinh năm 1996.
Nơi cư trú: bản M, xã M, tỉnh Điện Biên. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/7/2025, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, tại phiên phiên tòa nguyên đơn chị Đinh Thị N trình bày yêu cầu như sau:

1. Về hôn nhân: Chị Đinh Thị N và anh Lò Văn Đ qua một thời gian tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Hòa Bình (nay là xã M, tỉnh P), Giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 23/3/2020. Sau một thời gian chung sống đầu năm 2021 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân anh Đ nghiện ma túy. Từ năm 2021 đến nay cả hai sống ly thân, chị N về sống cùng bố mẹ tại Xóm S, xã M, tỉnh P. Anh Đ sống tại bản M, xã M, tỉnh Điện Biên. Hiện không còn tình cảm gì với anh Đ nên chị N xin được ly hôn với anh Đ.

2. Về con chung: Có một con chung là cháu Lò Đinh Thị Trà M, sinh 10/5/2020. Hiện nay cháu M đang được chị N chăm sóc nuôi dưỡng từ khi sinh ra đến nay tại xóm S, xã M, tỉnh Phú Thọ. Chị làm công nhân cho công ty TNHH Dệt Kim suppertex- T lương cơ bản 3.877.000 cùng làm thêm giờ thì lương giao động hàng tháng từ 6 triệu đến 15 triệu đồng nên đủ để trang trải cuộc sống của hai mẹ

con. Do đó chị N nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, riêng; nợ chung riêng của hai vợ chồng: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Lò Văn Đ: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày 11/9/2025, anh Đ không liên lạc làm việc với Tòa án theo quy định pháp luật. Qua biên bản xác minh của Tòa án tại địa phương, Công an xã M, UBND xã M, trưởng bản M thể hiện: anh Đ vẫn có mặt tại bản M, xã M, tỉnh Điện Biên, do anh Đ nghiện chất ma túy nên không thường xuyên ở nhà và thường lánh mặt mọi người, thường sinh sống trên nương rẫy, trong rừng do đó Tòa án không tống đạt được giấy tờ của Tòa án cho anh Đ mà tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng như thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp công khai chứng cứ; thông báo kết quả công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật. Ngày 11/9/2025 anh Đ đã liên hệ cán bộ Tòa án và nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử và có bản tự khai này 11/9/2025 thể hiện: Trình trạng hôn nhân như chị N trình bày nhưng không đồng ý ly hôn, chỉ đồng ý ly hôn khi được nuôi con, còn các vấn đề khác nhất trí như đơn khởi kiện của chị N. Tại phiên tòa hôm nay anh Đ vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 26/9/2025 nêu giữ quan điểm đã đưa ra trong bản tự khai ngày 11/9/2025.

Người có quyền lợi, lợi ích được bảo vệ: Cháu Lò Đinh Thị Trà M, hiện tại còn nhỏ đang sống cùng chị N tại Xóm S, xã M, tỉnh Phú Thọ.

Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử nguyên đơn chị Đinh Thị N đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn đã không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 86 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị N cho được ly hôn với anh Lò Văn Đ. Giao cháu Lò Đinh Thị Trà M cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động; anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con, anh Đ có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Đinh Thị N.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét thẩm quyền giải quyết vụ án và sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa hôm nay:

Chị N khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con có bị đơn là anh Lò Văn Đ cư trú tại bản M, xã M, tỉnh Điện Biên thuộc thẩm quyền tòa án nhân dân khu vực 2- Điện Biên và tòa án xác định quan hệ giải quyết là " Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo các quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 29/9/2025 Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử, bị đơn anh Lò Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Đinh Thị N thấy rằng:

Giữa chị N và anh Đ tại thời điểm đăng ký kết hôn hai bên tự nguyện, đủ tuổi kết hôn, được UBND xã P, huyện T, tỉnh Hòa Bình (nay là xã M, tỉnh Phú Thọ) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 23/3/2020 là đúng quy định của pháp luật. Do đó có căn cứ khẳng định hôn nhân giữa chị N và anh Đ là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ .

Tuy nhiên xét tình trạng hôn nhân giữa chị Đinh Thị N và anh Lò Văn Đ thấy rằng: trong cuộc sống hôn nhân giữa chị N và anh D có mâu thuẫn như chị N trình bày trong đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay; lời trình bày của chị N phù hợp với các biên bản xác minh của Tòa án ngày 19/8/2025 tại trưởng bản M, công an xã M và chính quyền địa phương cho biết anh Đ nghiện chất ma túy, hiện tại anh Đ và chị N không cùng chung sống với nhau, chị N đã chuyển khẩu về Xóm S, xã M, tỉnh Phú Thọ sinh sống. Các bên không quan tâm chăm sóc nhau thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của chị N và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Đinh Thị N cho được ly hôn với anh Lò Văn Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Qua tài liệu chứng cứ thể hiện các đương sự có một con chung là cháu Lò Đinh Thị Trà M, sinh 10/5/2020. Hiện nay cháu M đang sống cùng với mẹ tại hộ khẩu thường trú Xóm S, xã M, tỉnh Phú Thọ. Các bên đều có nguyện vọng được nuôi Cháu M. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu M đang được mẹ nuôi dưỡng ổn định tại xóm S; cháu đang được học tại trường Mầm Non xã M; bản chị N làm công nhân có thu nhập đảm bảo điều kiện nuôi con. Còn anh Lò Văn Đ nghiện chất ma túy không đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con nhỏ. Do đó để đảm bảo điều kiện chăm sóc, quyền lợi tốt nhất cho cháu M cần giao cháu M cho chị Đinh Thị N trực tiếp nuôi dưỡng theo Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị N đã được Tòa án giải thích về quyền được yêu cầu bên không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con nhưng chị N không yêu cầu do đó Tòa án không xem xét.

Các bên có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có yêu cầu theo Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản riêng, tài sản chung; Nợ chung, nợ riêng của vợ chồng*: các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* chị Đinh Thị N xin ly hôn không thuộc diện được miễn án phí dân sự sơ thẩm nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[6] Như vậy, đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 về giải quyết nội dung vụ án là có căn cứ cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273; Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Đinh Thị N được ly hôn với anh Lò Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Đinh Thị Trà M, sinh 10/5/2020 cho chị Đinh Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành và có khả năng lao động.

Anh Lò Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị N được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29 /9 /2052). Anh Lò Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2- Điện Biên;
- Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh ĐB;
- UBND xã M, tỉnh Phú Thọ;;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nga